

Long Mỹ, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ S THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG S**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thúy L, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường T, thị xã L, tỉnh H.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn S, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường T, thị xã L, tỉnh H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường T, thị xã L, tỉnh H.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường T, thị xã L, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân S;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận S tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương S được ghi trong biên bản ghi nhận S tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận S tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương S nào thay đổi ý kiến về S thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận S thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thúy L và ông Lê Văn S.

2. Công nhận S thỏa thuận của các đương S cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy L và ông Lê Văn S cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy L và ông Lê Văn S có 01 con chung Lê Thị Ngọc H (Giới tính: Nữ) sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung:

1. Các đương sự không yêu cầu phân chia đối với phần đất tại thửa số 92, diện tích 2677,5m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 138258, số vào sổ cấp giấy GCN: CS02523, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Lê Văn S ngày 20/01/2020 nên không xem xét.

2. Phần tài sản còn lại các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

2.1 Bà Lê Thị Ngọc H được toàn quyền sử dụng đối với phần đất tại thửa số 1428, diện tích 721,7m<sup>2</sup>, loại đất CLN, tại vị trí số (Ib) theo mảnh trích đo địa chính số 78/CHK, ngày 25/7/2024 của Công ty cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam, phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 400798, số vào sổ cấp GCN: CS02187, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Lê Văn S ngày 09/7/2019. Bà Lê Thị Ngọc H được sử dụng nhà và tài sản gắn liền với thửa đất trên. Bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả lại giá trị phần đất trên theo thỏa thuận cho ông Lê Văn S số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

2.2 Bà Lê Thị Ngọc H được toàn quyền sử dụng đối với phần đất tại thửa số 1432, diện tích 519,9m<sup>2</sup>, loại đất CLN, tại vị trí số (Ia) theo mảnh trích đo địa chính số 78/CHK, ngày 25/7/2024 của Công ty cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam, phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 400799, số vào sổ cấp GCN: CS02186 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Lê Văn S ngày 09/7/2019. Bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả lại giá trị phần đất trên theo thỏa thuận cho ông Lê Văn S số tiền 72.000.000 đồng

(bảy mươi hai triệu đồng), và bà Phạm Thị Thúy L số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân S năm 2015.

Về nợ chung:

Bà Phạm Thị Thúy L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân S năm 2015.

Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thúy L tự nguyện nộp số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007631, ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân S thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Phạm Thị Thúy L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí chia tài sản: Bà Phạm Thị Thúy L phải chịu số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007630, ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân S thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Phạm Thị Thúy L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông Lê Văn S phải chịu số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

đã nộp theo biên lai thu số 0007569, ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân S thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Lê Thị Ngọc H được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí dân S sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thúy L phải chịu số tiền 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông Lê Văn S phải chịu số tiền 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu số 0007937, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân S thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Thúy L tự nguyện nộp số tiền 14.750.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), đã nộp xong.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án dân S được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương S;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THA dân S thị xã Long Mỹ;
- UBND phường Thuận An;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đình Tiến**

